

Bản án số: 45/2023/HS-PT

Ngày 13-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Bùi Quang Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2023/TLPT-HS ngày 31 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thúy O và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2023/HS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Thúy O (P), sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (chết) và bà Lê Thị T; chồng: Nguyễn Thế P1; con: có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012; tiền án: có 01 tiền án. Tại Bản án số: 26/2019/HS-PT ngày 18-3-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về “Tội đánh bạc”, chấp hành xong thời gian thử thách án treo ngày 13/5/2020, chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí ngày 31/12/2021; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1984 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc E (chết) và bà Nguyễn Thị R; chồng: Nguyễn Tấn Đ; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: có 01 tiền án. Tại Bản án số: 12/2015/HSST

ngày 09/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 8.000.000 (tám triệu) đồng về “Tội đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt và án phí ngày 26/4/2022; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

(Ngoài ra; trong vụ án còn có các bị cáo Trần Thị Lan P2, Nguyễn Thanh T1, Trần Thị Đ1, Châu Thị T2, Võ Hữu L, Phan Thị Trúc L1 và Trương Thị Kim L2 nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 26/12/2021, Nguyễn Thanh T1 và Trần Thị Lan P2 điện thoại cho Nguyễn Thị Thúy O hỏi có đánh bài không để lên chơi, O trả lời “lên thì lên”. Khoảng 11 giờ trưa cùng ngày T1 đến gặp O và O dẫn đến nhà bà Đinh Thị Mỹ K ở ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Lúc này P2 cũng đến, Trần Thị Đ1 đi mua cây giống gặp O nên O rủ vào nhà bà K để đánh bạc, Đ1 đồng ý. O, T1 và Đ1 sử dụng loại bài tây 52 lá đánh bạc tại căn phòng phía sau nhà của bà K. Lúc đầu đánh bài tiến lên, mỗi ván thắng, thua từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, chơi được khoảng 02 - 03 ván bài thì chuyển sang hình thức đánh bài binh ăn độ, có 03 tụ bài, O là tụ cái còn T1 và Đ1 là 02 tụ con. Riêng tụ bài của O thì O và P2 hùn tiền với nhau, P2 đưa cho O 10.000.000 đồng (trong đó cho O mượn 3.000.000 đồng), O có 500.000 đồng. Tổng số tiền là 10.500.000 đồng, hùn tỷ lệ 2:1 tức là Phương hai phần, O một phần, O trực tiếp ngồi tụ, nếu thắng và thua được chia theo tỷ lệ nêu trên, 02 tụ con ăn thua trực tiếp với tụ cái. Bên ngoài có Châu Thị T2, Võ Hữu L, Nguyễn Thị Ngọc V, Phan Thị Trúc L1 và Trương Thị Kim L2 bắt và ké theo tụ cái hoặc tụ con, mỗi ván đặt cược từ 100.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Tất cả chơi đến khoảng 12 giờ thì bị Công an phát hiện bắt giữ.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu trên chiếu bạc 51.700.000 đồng (trong đó có 17.000.000 đồng của bị cáo Đ1 không sử dụng vào việc đánh bạc, khi bị bắt làm rơi xuống chiếu bạc);
- T3 dưới chiếu bạc 21.000.000 đồng (là tiền của bà Đinh Thị Mỹ K cất giữ dưới chiếu trước khi các bị cáo vào đánh bạc);
- Một chiếc chiếu lát màu đỏ xanh vàng, kích thước 2.05m x 1.6m và 40 lá bài (không có tây, chỉ có quân từ 01-10) đã qua sử dụng;
- 01 xe mô tô biển kiểm soát 71H4.0721 và 01 xe mô tô biển kiểm soát 71H4.6483 (đã trả cho chủ sở hữu).

- Thu trong phòng nơi đánh bạc 38.749.000 đồng và 02 tờ vé số Đ2 mở ngày 22/12/2021 (trong đó có 32.200.000 đồng thu trong túi quần treo trên sào đồ và 6.549.000 đồng trên nền gạch ngoài chiếu bạc);

T3 trên người các con bạc và người liên quan 267.837.000 đồng, 24 USD và điện thoại di động các loại gồm: Trần Thị Đ1 (Phi) 02 điện thoại di động hiệu ACE màu đen và OPPO A9 2020 màu xanh; Trần Thị Lan P2 72.044.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; Châu Thị T2 11.900.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh; Nguyễn Quang H 37.073.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12pro Max màu trắng (đã trả cho chủ sở hữu); Nguyễn Thanh T1 9.253.000 đồng và 02 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen và Nokia 1010 màu xanh; Phạm Duy B 78.917.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu S1 màu đen (đã trả cho chủ sở hữu); Phan Thị Trúc L1 57.150.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia màu xanh; Nguyễn Thị Ngọc V 01 điện thoại di động hiệu OPPO REND 6Z5G màu bạc; Nguyễn Thị Thúy O 500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng đã qua sử dụng; Nguyễn Thị Kim N 1.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (đã trả cho chủ sở hữu); Trương Thị Kim L2 01 điện thoại di động hiệu N1 màu đen; Võ Hữu Lộc 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu xám và 24 USD.

Qua kết quả điều tra các bị cáo thừa nhận hành vi đánh bạc và số tiền đưa vào đánh bạc như sau:

- Nguyễn Thị Thúy O: Khi đến tụ điểm đánh bạc mang theo 500.000 đồng, P2 đưa 10.000.000 đồng (trong đó cho O mượn 3.000.000 đồng), tổng số tiền là 10.500.000 đồng, hùn tỷ lệ 2:1 tức là P2 hai phần số tiền 7.000.000 đồng, O một phần số tiền 3.500.000 đồng để đánh bạc, O trực tiếp ngồi tụ. Sau khi kết thúc việc đánh bạc nếu thắng hoặc thua được chia theo tỷ lệ nêu trên, khi bị bắt thu giữ 500.000đồng;

- Trần Thị Lan P2: Khi đến tụ điểm đánh bạc mang theo 82.044.000 đồng, đưa cho O 10.000.000 đồng (trong đó cho O mượn 3.000.000 đồng), O có 500.000 đồng, tổng số tiền là 10.500.000 đồng, hùn tỷ lệ 2:1 tức là P2 hai phần số tiền 7.000.000 đồng, O một phần số tiền 3.500.000 đồng để đánh bạc, còn 72.044.000 đồng để mua sào riêng trái, khi bị bắt thu giữ;

- Trần Thị Đ1 (P): Khi đến tụ điểm đánh bạc mang theo 20.000.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc, còn lại 17.000.000 đồng để mua cây giống, chơi thắng 300.000 đồng khi Công an đến bỏ tại chiếu bạc;

- Nguyễn Thanh T1: khi đến tụ điểm đánh bạc mang theo 10.653.000 đồng, sử dụng 1.400.000 đồng để đánh bạc đã thua hết, còn lại 9.253.000 đồng để đóng hụi và tiêu xài cá nhân, khi bị bắt thu giữ;

- C: khi đến tụ điểm đánh bạc mang theo 11.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, chơi thắng 400.000 đồng, còn 10.000.000 đồng để mua nguyên liệu làm lap xường, khách mua lap xường trả 500.000 đồng, khi bị bắt thu giữ 11.900.000 đồng;

- Võ Hữu L: Khi đến tụ điểm đánh bạc mang theo 200.000 đồng, đã thua hết;

- Phan Thị Trúc L1: khi đến tụ điểm đánh bạc mang theo 57.300.000 đồng, sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc đã thua, còn lại 57.150.000 đồng để mua sầu riêng trái, khi bị bắt thu giữ;

- Nguyễn Thị Ngọc V: khi đến tụ điểm đánh bạc mang theo 300.000 đồng, khi bị bắt bỏ xuống nơi đánh bạc;

- Trương Thị Kim L2: khi đến tụ điểm đánh bạc mang theo 1.800.000 đồng, sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc, thua 400.000 đồng, còn lại 400.000 đồng và 1.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân khi bị bắt bỏ xuống nền gạch trong phòng nơi đánh bạc;

- Nguyễn Quang H: khi đến tụ điểm đánh bạc mang theo 37.073.000 đồng, trong đó 30.000.000 đồng là tiền của bạn gái gửi để chuộc vàng, còn 7.073.000 đồng là tiền của cá nhân không sử dụng vào việc đánh bạc;

- Phạm Duy B: khi đến tụ điểm đánh bạc mang theo 78.917.000 đồng nhưng không tham gia đánh bạc, số tiền nêu trên để mua cây giống;

- Võ Thị H1 và Nguyễn Thị Kim N có mặt tại nơi đánh bạc nhưng không tham gia;

- Đinh Thị Mỹ K khai nhận số tiền 21.000.000 đồng dưới chiếu bạc và 32.200.000 đồng trong túi quần treo trên sào đồ là tiền hốt hụi có được cất giữ trước khi các bị cáo vào đánh bạc.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2023/HS-ST ngày 07/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thúy O và Nguyễn Thị Ngọc V phạm “Tội đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy O (P) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc V 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tội danh và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 21/02/2023, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc V kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền;

- Ngày 22/02/2023, bị cáo Nguyễn Thị Thúy O kháng cáo yêu cầu được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Riêng bị cáo O bổ sung kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo là đúng quy định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thúy O, Nguyễn Thị Ngọc V phạm “Tội đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo O 09 tháng tù và bị cáo V 06 tháng tù. Xét kháng cáo của bị cáo O thấy rằng bị cáo có tiền án về tội đánh bạc, vì vậy kháng cáo của bị cáo O không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo O; giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo O. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy O (P) 09 (chín) tháng tù về “Tội đánh bạc”. Xét kháng cáo của bị cáo V thấy rằng mức độ bị cáo tham gia đánh bạc là thấp, chỉ đem theo số tiền 300.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vì vậy kháng cáo yêu cầu áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo V là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 của

Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo V; sửa Bản án sơ thẩm đối với bị cáo V. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc V từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ về “Tội đánh bạc”. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc V không tranh luận.
- Bị cáo Nguyễn Thị Thúy O tranh luận và nói lời sau cùng: xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền để ở nhà lo cho mẹ và con nhỏ.
- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc V nói lời sau cùng: xin được giảm nhẹ hình phạt, được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền để ở nhà lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Khoảng 11 giờ ngày 26/12/2021, tại nhà của bà Đinh Thị Mỹ K thuộc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre; Trần Thị Lan P2 hùn tiền với bị cáo Nguyễn Thị Thúy O có hành vi đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài tiến lên và binh ăn độ đối với Nguyễn Thanh T1, Trần Thị Đ1, Châu Thị T2, Võ Hữu L, Nguyễn Thị Ngọc V, Phan Thị Trúc L1, Trương Thị Kim L2. Số tiền các bị cáo dùng đánh bạc thu trên chiếu bạc là 34.700.000 đồng và tiền dùng đánh bạc thu trong người Châu Thị T2 1.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thúy O 500.000 đồng, và 400.000 đồng của Trương Thị Kim L2 khi bị bắt bỏ xuống nền gạch trong phòng nơi đánh bạc. Tổng cộng số tiền dùng để đánh bạc là 36.600.000 đồng.

[3] Về tội danh: các bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài tiến lên và binh ăn độ được thua bằng tiền; tổng số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc trái

phép trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng; các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Với ý thức, hành vi và tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc trái phép, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thúy O, Nguyễn Thị Ngọc V phạm “Tội đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo yêu cầu được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền của bị cáo Nguyễn Thị Thúy O và kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc V, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: các bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *tái phạm* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; các bị cáo *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo *có con chưa thành niên, có người thân có công với đất nước* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo O 09 tháng tù và xử phạt bị cáo V 06 tháng tù.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù các bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có con chưa thành niên và có người thân có công với đất nước. Tuy nhiên, các bị cáo đều đã bị kết án về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội đánh bạc, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp *tái phạm* là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, điều đó chứng tỏ các bị cáo khó giáo dục, có nhân thân không tốt, thể hiện ý thức xem thường pháp luật; các bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng lại có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, nên không có cơ sở để được giảm nhẹ hình phạt, để được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự cũng như được hưởng hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, xử phạt bị cáo

O 09 tháng tù và xử phạt bị cáo V 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và hậu quả mà các bị cáo gây ra. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo O, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo O là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Riêng đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo V, cho bị cáo V được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là chưa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thúy O và Nguyễn Thị Ngọc V; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 03/2023/HS-ST ngày 07/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre;

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy O (P) 09 (chín) tháng tù về “Tội đánh bạc”;
Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc V 06 (sáu) tháng tù về “Tội đánh bạc”;
Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Bị cáo Nguyễn Thị Thúy O phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc V phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách (3b);
- VKSND huyện Chợ Lách (1b);
- Công an huyện Chợ Lách (1b);
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách (1b);
- UBND tt. C, h. Chợ Lách (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông